**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **Đọc hiểu một trong các kiểu loại văn bản: Hài kịch, truyện cười và văn bản nghị luận trung đại.** | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | **Viết một trong các kiểu văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên;/ văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống.** | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **Đọc hiểu Truyện cười** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được nội dung bao quát thể loại truyện cười….  - Nhận biết được các biện pháp tu từ.  - Nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ, thành ngữ có yếu tố Hán Việt đó;  **Thông hiểu**:  - Hiểu được nội dung của truyện cười  - Hiểu được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ.  - Hiểu được sắc thái nghĩa của từ ngữ và biết lựa chọn, sử dụng từ ngữ phù hợp với sắc thái.  **Vận dụng:**  - Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | **Viết văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống.** | **Nhận biết: V**ăn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống.  **Thông hiểu:** Kỹ năng viết bài thuyết minh hoặc nghị luận đảm bảo các yếu tố cơ bản: đúng nội dung, hình thức (từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản)  **Vận dụng:** Viết được bài văn văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống  **Vận dụng cao:** Viết được bài văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống. Có ý thức phê phán cái xấu, tiêu cực và hướng tới những điều tốt đẹp trong suy nghĩ và hành động. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I**  **NĂM HỌC: 2023 - 2024**  **MÔN: NGỮ VĂN 8**  Thời gian làm bài: 90 phút  *(Đề gồm có 02 trang)* |

1. **ĐỌC HIỂU (6,0 điểm):** Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi

**Lợn cưới, áo mới**

Có anh tính hay khoe của. Một hôm, may được cái áo mới, liền đem ra mặc, rồi đứng hóng ở cửa, đợi có ai đi qua người ta khen. Đứng mãi từ sáng đến chiều chả thấy ai hỏi cả, anh ta tức lắm.

Đang tức tối, chợt thấy một anh, tính cũng hay khoe, tất tưởi chạy đến hỏi to:

- Bác có thấy con lợn cưới của tôi chạy qua đây không?

Anh kia liền giơ ngay vạt áo ra, bảo:

- Từ lúc tôi mặc cái áo mới này, tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả!

(Theo SGK Ngữ văn 6 tập 1, NXB GD, 2004)

**Câu 1: Thể loại của văn bản trên là?**

1. Truyện cười
2. Hài kịch

C. Truyện ngụ ngôn

D. Truyện ngắn.

**Câu 2: Nội dung chính của văn bản “Lợn cưới áo mới” là gì?**

1. Miêu tả hai anh khoe của
2. Kể chuyện về hai anh khoe của

C. Nêu cảm nghĩ về việc khoe của

D. Nghị luận về hai anh khoe áo, khoe lợn cưới

**Câu 3: Những của được đem khoe trong câu chuyện là gì?**

A. Một cái áo mới may

B. Một con lợn để cưới

C. Một cái áo, một con lợn

D. Một cái áo mới may và một con lợn để làm cỗ cưới

**Câu 4: Cách khoe của của “anh áo mới” như thế nào ?**

1. Đứng hóng ở cửa đợi có ai đi qua người ta khen, kiên trì đợi từ sáng đến chiều, giơ vạt áo bào: “Từ lúc tôi mặc cái áo mới này chẳng có con lợn nào chạy qua đây cả.”
2. Kiên trì đợi từ sáng đến chiều,

C. Tất tưởi chạy đi tìm người để khoe

1. Từ lúc tôi mặc cái áo này chẳng có con lợn nào chạy qua đây cả

**Câu 5: Cách khoe của của “anh lợn cưới” như thế nào?**

A. Tất tưởi chạy đến hỏi to: Bác có thấy con lợn cưới của tôi chạy qua đây không?

B. Tất tưởi chạy đến hỏi to

C. Bác có thấy con lợn cưới của tôi chạy qua đây không?

D. Bác có thấy con lợn của tôi chạy qua đây không?

**Câu 6: Trong câu:** “Từ lúc tôi mặc cái áo mới này chẳng có con lợn nào chạy qua đây cả.”**, nghĩa nào là nghĩa hàm ẩn?**

1. Tôi sắp cưới vợ rồi
2. Tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả

C. Tôi đứng ở đây lâu rồi

1. Tôi mới may được cái áo mới đây này

**Câu 7:** Trong câu “Con ăn những hai bát cơm.”. Từ nào là trợ từ?

A. Ăn

B. Những

C. Hai

D. Bát cơm

**Câu 8: Em có nhận xét gì về điệu bộ, cử chỉ, lời nói của các nhân vật trong văn bản trên?**

1. Điệu bộ lố bịch, tức cười
2. Điệu bộ bình thường

C. Điệu bộ tức cười, lời nói thừa hẳn một vế

D. Lời nói bình thường

**Câu 9. Truyện “Lợn cưới áo mới” phê phán điều gì?**

**Câu 10. Em rút ra được bài học gì sau khi đọc xong văn bản trên?**

**II. Viết (4,0 điểm)**

Viết bài văn nêu suy nghĩ của em về tình yêu thương trong cuộc sống.

***Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com***

***https://www.vnteach.com***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | | **HƯỚNG DẪN CHẤM**  **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I**  **NĂM HỌC: 2023 - 2024**  **MÔN: NGỮ VĂN**  *(HDC gồm có 02 trang)* | |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | | **Điểm** |
| I | **ĐỌC-HIỂU** | | | |
| 1 | A | | 0,5 |
| 2 | B | | 0,5 |
| 3 | D | | 0,5 |
| 4 | A | | 0,5 |
| 5 | A | | 0,5 |
| 6 | D | | 0,5 |
| 7 | B | | 0,5 |
| 8 | C | | 0,5 |
| 9 | - Phê phán tính hay khoe của, một tính xấu khá phổ biến trong xã hội. | | 1,0 |
| 10 | *-* Đừng bao giờ khoe khoang, nhất là khoe của, khoe sự giàu có của mình  - Đừng bao giờ biến mình thành trò cười cho người khác  - Hãy học cách sống khiêm nhường, giản dị, sống tích cực, sống có ý nghĩa. | | 0,5  0,25  0,25 |
| II | **VIẾT** | | | |
| a. Đảm bảo cấu trúc của bài văn nghị luận | | | 0,25 |
| b. Xác định đúng yêu cầu đề bài: Viết bài văn nghị luận về tình yêu thương | | | 0,25 |
| c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:  Mở bài :  + Dẫn dắt vấn đề cần nghị luận.  + Nêu vấn đề: Tình yêu thương trong cuộc sống.  Thân bài :  + Giải thích: tình yêu thương là gì? Nêu biểu hiện của tình yêu thương trong đời sống  + Phân tích ý nghĩa của tình yêu thương:  - Tình yêu thương thể hiện phẩm chất đạo đức cần có ở mỗi chúng ta.  - Tình yêu thương sẽ khiến cho con người trở nên tốt đẹp hơn.  - Là cơ sở tạo nên mối quan hệ tốt đẹp, lành mạnh giữa con người với con người.  - Thúc đẩy tinh thần tương thân tương ái trong cộng đồng.  - Yêu thương còn tạo sức mạnh cảm hóa kì diệu đối với những người lầm đường lạc lối, mang lại niềm hạnh phúc, niềm tin để họ sống tốt đẹp hơn.  - Tình yêu thương con người còn là cơ sở để hình thành nên những phẩm chất tốt đẹp khác như lòng biết ơn, dũng cảm, vị tha…Chúng ta cần có tình yêu thương còn bởi nó là truyền thống tốt đẹp của dân tộc VN...  + Dẫn chứng về tình yêu thương trong cuộc sống  (HS đưa ra ít nhất 02 dẫn chứng phù hợp)  +Phản biện:  - Trong XH vẫn còn những người sống vô cảm, ích kỉ, chỉ nghĩ đến bản thân mình.  - Hay những người thể hiện tình yêu thương mà thiếu đi sự chân thành hoặc lợi dụng tình yêu thương… Những người đó cần phải lên án và phê phán.  + Bài học nhận thức và hành động  Kết bài :  + Khẳng định vai trò của tình yêu thương.  + Nêu suy nghĩ về hướng rèn luyện của em. | | | 0,5  0,5  1,0  0,5  0,5 |
| d. Chính tả, ngữ pháp:  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | | | 0,25 |
| e. Sáng tạo:  Bố cục mạch lạc, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu, xác thực; bày tỏ được quan điểm riêng của mình. | | | 0,25 |